TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tuyễn

2. Ông Đỗ Trường Tam

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 520/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 24, ấp 2, xã B, huyện G, tỉnh TN;

Tạm trú: Ấp Ph, xã M, huyện D, tỉnh TN.

- *Bị đơn*: Anh Võ Văn Đ, sinh năm: 1995

Cùng địa chỉ: Tổ 24, ấp 2, xã B, huyện G, tỉnh TN.

Chị T và anh Đ đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-7-2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn Đ chung sống với nhau từ tháng 10-2015, có quan tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Anh chị có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B.

Anh chị chung sống đến tháng 5-2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh Đ cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, không phụ giúp kinh

tế cho gia đình. Anh Đ còn nhiều lần gây nợ, cha mẹ chồng phải đứng ra trả nợ thay nên anh Đ không tự lập được cuộc sống của chính mình mà dựa dẫm vào cha mẹ. Chị có khuyên thì anh Đ nói là nợ của anh thì cha mẹ anh trả nên chị không được quyền nói. Nên anh chị thường xuyên cải nhau và tình cảm vợ chồng ngày càng giảm sút. Ngày 10-5-2018, chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh Đ có đến rước con về nhà nội chơi nhưng không yêu cầu chị về đoàn tụ, mẹ chồng có lên nhà kêu chị về nhưng chị không đồng ý. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Đ không còn, nên chị xin ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con: Anh chị có 01 người con chung tên Võ Ngọc P, sinh ngày 04-5-2016, hiện cháu P đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vào ngày cưới, cha mẹ chồng có cho vàng cưới gồm: 01 lắc tay, 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền tổng cộng 06 chỉ vàng 24 K và 01 cặp nhẫn cưới vàng 18 K không rõ trọng lượng. Hiện nay vàng cưới vẫn còn do chị đang giữ nhưng chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, anh chị chung sống không có tài sản chung nào khác nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trang đối với anh Đ; về con chung: Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: Chị T khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh Đ có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn chị Dương Thị T có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Dương Thị Tg và anh Võ Văn Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị T nguyên nhân là do anh Đ cờ bạc, không phụ giúp gia đình, không quan tâm chăm sóc cho vợ con, nhiều lần anh Đ gây ra nợ nên cha mẹ ruột của anh Đ phải trả nợ thay, chị có khuyên nhưng anh Đ không tôn trọng ý kiến của chị dẫn đến anh chị thường xuyên cải vã. Ngày 10-5-2018, chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột chị ở nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh Đ cũng không yêu cầu chị về đoàn tụ. Còn anh Đ, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh Đ vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T và cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ.

[3] Qua xác minh bà Ngô Thị Ng là mẹ ruột của anh Đ thể hiện: anh Đ có cờ bạc, những lần gây ra nợ thì vợ chồng bà phải trả nợ thay cho anh Đ. Bà còn thừa nhận, trong thời gian chị T và anh Đ sống ly thân, tuy vợ chồng bà có đến nhà cha mẹ ruột chị T để rước chị T về nhưng anh Đ không mở lời yêu cầu chị T về đoàn tụ nên chị T không đồng ý quay về. Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con*: Anh chị có 01 người con chung là cháu Võ Ngọc Như P, sinh ngày 04-5-2016 hiện đang sống cùng với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân, cháu P sống chung với chị T được chị T và cha mẹ ruột của chị T chăm sóc, giáo dục. Hiện nay, chị T làm công nhân, thu nhập ổn định nên chị T có đủ điều kiện và khả năng để nuôi dạy cháu P thành niên, nên cần giao chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Chị T khai anh chị có tài sản chung là vàng cưới gồm: 01 lắc tay, 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền tổng cộng 06 chỉ vàng 24 K và 01 cặp nhẫn cưới vàng 18 K không rõ trọng lượng. Hiện nay vàng cưới vẫn còn do chị T đang giữ nhưng chị Trang không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, chị T và anh Đ chung sống không có tài sản chung nào khác và chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Chị T khai không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại nên không giải quyết.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Chị T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị T đối với anh Võ Văn Đ. Chị Dương Thị T được ly hôn với anh Võ Văn Đ.

2. Về nuôi con: Giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Võ Ngọc Như P, sinh ngày 04-5-2016. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ trông nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Trang đã nộp theo biên lai thu số 0013671 ngày 03-7-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG